TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 56/2018/QĐST-HNGĐ	*Tân Lạc, ngày 27 tháng 7 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018, giữa:

+ *Nguyên đơn*: Chị **Quách Thị S**, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Xóm T1, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

+ *Bị đơn*: Anh **Bùi Văn D**, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Xóm T1, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ngân hàng C**.
Địa chỉ trụ sở chính: Số 1xx phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Minh P** – Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện Tân Lạc. Địa chỉ trụ sở: Xóm Đ, xã M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. (Theo văn bản ủy quyền số 47xx/QĐ-NHCS, ngày 25/11/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng C và văn bản số 2xx^{A}/QĐ-NHCS, ngày 30/11/2016 của Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện Tân Lạc).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, khoản 1 Điều 59, khoản 1 Điều 60, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Quách Thị S và anh Bùi Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị S và anh Bùi Văn D thuận tình ly hôn nhau.

2.2. Về con chung: Chị Quách Thị S và anh Bùi Văn D có 01 con chung là Bùi Quách Anh D, sinh ngày 25/9/2007. Khi ly hôn, chị Quách Thị S nhận trực

tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Bùi Quách Anh D và chưa có yêu cầu anh Bùi Văn D đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Bùi Văn D có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận như sau: Tài sản chung của chị Quách Thị S và anh Bùi Văn D có một ngôi nhà hai tầng, mới xây xong phần thô, chưa trát, chưa có cửa, chưa lát nền, có diện tích sử dụng khoảng 110m^2 tại xóm T1, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Giá trị khi xây hết 90.000.000 *(Chín mươi triệu)* đồng. Nợ chung: chị Quách Thị S và anh Bùi Văn D có nợ chung Ngân hàng C – Chi nhánh Hòa Bình – Phòng Giao dịch huyện Tân Lạc số tiền 20.000.000 *(Hai mươi triệu)* đồng theo chương trình cho vay hỗ trợ hộ nghèo (mua trâu). Khoản vay từ ngày 03/3/2017 đến hạn trả ngày 03/3/2020. Hiện nay đã trả được 9.000.000 *(Chín triệu)* đồng, số nợ gốc còn lại là 11.000.000 *(Mười một triệu)* đồng.

Khi ly hôn, chị Quách Thị S nhận nghĩa vụ thanh toán trả số nợ 11.000.000 *(Mười một triệu)* đồng và lãi phát sinh cho Ngân hàng C – Chi nhánh Hòa Bình – Phòng Giao dịch huyện Tân Lạc khi đến hạn vào ngày 03/3/2020. Chị Quách Thị S nhận trả chênh lệch giá trị tài sản cho anh Bùi Văn D là 26.000.000 *(Hai mươi sáu triệu)* đồng. Ngôi nhà hai tầng là tài sản chung vợ chồng tặng cho con chung là Bùi Quách Anh D.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4. Về án phí: Chị Quách Thị S nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004712 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; chị Quách Thị S còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Viện KSND tỉnh Hòa Bình;
- Viện KSND huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- UBND xã Đ – Tân Lạc – Hòa Bình;
(Nơi đăng ký kết hôn ngày 14/5/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn